

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh nhận thấy:

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, khó khăn đan xen, vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới càng được nâng cao, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, sự chỉ đạo điều hành linh hoạt, kiên định của Trung ương càng củng cố lòng tin của nhân dân, tạo nhiều cơ hội phát triển; trong tỉnh, tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, Đảng bộ - quân - dân đoàn kết, thống nhất, tự lực tự cường, một số dự án trọng điểm được đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, tạo động lực phát triển và rút ngắn khoảng cách với các tỉnh thành trong khu vực. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản đó, trong 05 năm qua tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, quá trình toàn cầu hóa và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt; cùng với những khó khăn, thách thức của kinh tế trong nước và những thiệt hại do thiên tai, hạn hán xâm nhập mặn năm đầu và năm cuối nhiệm kỳ, đặc biệt là tác động bất lợi, kéo dài của dịch tả lợn Châu Phi và dịch Covid-19; tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhân dân trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư phát triển hạn chế, hệ

thống kết cấu hạ tầng của tỉnh còn yếu và chưa thật sự đồng bộ đã tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Trước bối cảnh trên, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ của Bộ, ngành trung ương, cùng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của nhân dân và doanh nghiệp, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng khá toàn diện trên các lĩnh vực, cơ bản hoàn thành mục tiêu tổng quát đề ra:

- Trong 25 chỉ tiêu Nghị quyết, có 20 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết, nổi bật nhất là tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 11,22%, cao nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; GRDP bình quân đầu người đạt 63,58 triệu đồng/người (gấp 1,8 lần so với năm 2015); một số ngành, lĩnh vực phát triển vượt bậc, đặc biệt là công nghiệp năng lượng (nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời); một số dự án kinh tế động lực được đầu tư, đưa vào sử dụng như: Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu, Trung tâm Điện lực Duyên Hải, cầu Cổ Chiên, hạ tầng nuôi trồng thủy sản,... đã phát huy hiệu quả tích cực, quy mô nền kinh tế tăng lên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Công nghiệp, nông nghiệp và thủy sản phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và ứng dụng công nghệ cao; thu ngân sách trên địa bàn qua các năm đều đạt kết quả cao và vượt chỉ tiêu Trung ương giao.

- Văn hóa - xã hội đạt được những kết quả quan trọng, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, giải quyết việc làm cho 125.348 lao động, tỷ lệ thất nghiệp duy trì dưới 2,5%; giáo dục - đào tạo, y tế,... đạt được nhiều thành tựu nổi bật, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96,65%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp đạt 87,3%; du lịch có bước tiến đáng kể; an sinh xã hội bảo đảm, giảm nghèo vượt chỉ tiêu, tỷ lệ hộ nghèo tỉnh còn 1,67%, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, 05/09 đơn vị cấp huyện, 70/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tổ chức, bộ máy được củng cố, sắp xếp kiện toàn, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành được nâng lên; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được bảo đảm. Đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng, môi trường đầu tư được cải thiện, thu hút nhiều dự án đầu tư phù hợp với định hướng phát triển và tiềm năng lợi thế của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm qua còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém:

- Còn 05 chỉ tiêu chưa đạt Nghị quyết, tăng trưởng GRDP cao nhưng chưa bền vững, khoảng cách về quy mô nền kinh tế so với các tỉnh trong khu vực được rút ngắn nhưng còn chậm.

- Hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ; chuyển dịch cơ cấu sản xuất còn chậm, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn nhiều bất cập; kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế; công nghiệp tăng trưởng cao nhưng chủ yếu tăng ở lĩnh vực năng lượng; du lịch có phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Phát triển doanh nghiệp chưa đạt

kế hoạch, doanh nghiệp giải thể còn nhiều; số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả còn ít. Công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư hàng năm còn chậm.

- Chất lượng các tiêu chí nông thôn mới chưa cao, thiếu bền vững; thiếu nguồn lực để trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di sản văn hóa; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội; đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu, chuyên ngành còn thiếu.

- Quản lý tài nguyên chưa chặt chẽ; một số tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, tín dụng đen, đánh bạc trái phép diễn biến phức tạp.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nhiều năm liên tục giảm, chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) chậm cải thiện, thậm chí giảm so với đầu nhiệm kỳ. Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn tồn đọng một số vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài, vượt cấp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tổ chức thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cả hệ thống chính trị; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của con người Trà Vinh; chú trọng đổi mới sáng tạo, tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, gắn với liên kết vùng, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phấn đấu xây dựng Trà Vinh trở thành Trung tâm kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Gắn tăng trưởng kinh tế với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân, củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phấn đấu Trà Vinh đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm đạt 10-11%, trong đó: khu vực I tăng 2,35%; khu vực II tăng 14,48%, khu vực III tăng 7,69%.

(2) Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng (tương đương 4.300 USD - tỷ giá quy đổi 1 USD = 23.200 đồng).

(3) Tỷ trọng nông nghiệp chiếm 23,75%; công nghiệp - xây dựng chiếm 46,16%; thương mại - dịch vụ chiếm 30,09% GRDP.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm đạt 160.000 tỷ đồng.

(5) Số doanh nghiệp thành lập mới trong 05 năm 2.500 doanh nghiệp.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 33%.

(7) Thu ngân sách (thu nội địa) bình quân tăng 12%/năm.

b) Về xã hội

(8) Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 51% xã nông thôn mới nâng cao (trong đó có 20% xã nông thôn mới kiểu mẫu); 7/7 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, thành phố Trà Vinh và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

(9) Tỷ trọng lao động: trong nông nghiệp còn 35%, trong công nghiệp - xây dựng đạt 28%; trong khu vực dịch vụ 37% trong tổng lao động xã hội.

(10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%. Hàng năm tạo việc làm mới cho 23.000 lao động.

(11) Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%.

(12) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học: Tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 99%.

(13) Đến năm 2025 có 30 giường bệnh/vạn dân; 10 - 12 bác sĩ/vạn dân.

(14) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt trên 95%.

(15) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 5% lực lượng lao động xã hội.

(16) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân từ 1,5 - 2%/năm.

(17) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99,5%.

c) Về môi trường

(18) Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: Khu vực dân cư thành thị đạt 99,5%; khu vực dân cư nông thôn đạt 99%.

(19) Tỷ lệ chất thải nguy hại và chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 99,5% - 100%. Tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt trên 98,5%; tại khu vực nông thôn đạt 78 - 80%. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

(20) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,2% diện tích tự nhiên.

d) Về quốc phòng - an ninh

(21) Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(22) Hàng năm có 95% trở lên cơ quan, doanh nghiệp; 90% trở lên xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

(23) Hàng năm có 95% trở lên xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

3. Những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá

a) Những nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ.

(2) Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, tận dụng lợi thế để Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

(3) Tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, khả năng cạnh tranh trên thị trường. Phân đấu Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

(4) Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị, nhân lực khoa học - công nghệ, nhân lực trong các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

(5) Tập trung nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số cải cách hành chính (PAR Index); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index).

(6) Tập trung củng cố thể trận quốc phòng - an ninh vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, không để xảy ra “*điểm nóng*”.

b) Những nhiệm vụ đột phá

(1) Đột phá về phát triển hạ tầng theo hướng đồng bộ, liên kết, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng đô thị, khắc phục các điểm nghẽn, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

(2) Đột phá về cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp.

(3) Đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Về kinh tế

- *Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng*: tạo bước chuyển nền kinh tế của tỉnh sang mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng năng suất lao động, hàm lượng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp địa phương có thế mạnh, thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động sang những ngành, lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực, cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư theo định hướng chuyển dịch cơ cấu và phát huy lợi thế địa phương; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế.

Hoàn thành việc thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối; tiếp tục sắp xếp, nâng cao tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế tư nhân; thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm như: Đầu tư công; nông nghiệp nông thôn và kinh tế biển; công nghiệp - thương mại - dịch vụ; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh, thành trong cả nước.

- *Phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

+ Chủ động rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển. Huy động các nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực... để tỉnh trở thành trung tâm chế biến thủy, hải sản. (1) *Bổ sung quy hoạch các đô thị ven biển*. (2) *Tổ chức các hoạt động nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản*: Theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản; hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức hợp tác. Đầu tư nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá. (3) *Phát triển du lịch biển*: Tập trung đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tham quan điện gió các khu du lịch nghỉ dưỡng biển; đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm du lịch biển. (4) *Phát triển các ngành công nghiệp ven biển*: Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn. Phát triển các ngành công nghiệp sửa chữa và đóng tàu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ.

+ Tranh thủ các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu Kinh tế Định An, thi công cầu Đại Ngãi, đầu tư các tuyến đường hành lang ven biển; hoàn thiện Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, đầu tư cảng nước sâu và các bến tàu thủy nội địa phù hợp với quy hoạch, bảo đảm kết nối giao thông với các tỉnh, thành trong khu vực và nước ngoài. Đầu tư dịch vụ vận tải biển, kho

ngoại quan, logistics, khu phi thuế quan, khu công nghiệp, khu dịch vụ công nghiệp, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa.

+ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chính sách ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo của Chính phủ, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời, điện khí hóa lỏng.

- *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững*

+ *Phát triển nông nghiệp, kinh tế biển và lâm nghiệp*: Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị; tập trung các sản phẩm chủ lực, có nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sức cạnh tranh cao; tổ chức sản xuất theo chuỗi. Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giám sát và kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh; tổ chức lại hệ thống giết mổ bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng; tiếp tục giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng cho người dân đúng quy định pháp luật. Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2021, huyện Cầu Ngang vào năm 2022, huyện Trà Cú và Duyên Hải vào năm 2023, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

+ *Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*: Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp, tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Thực hiện có trọng tâm các chương trình, đề án khuyến công trong các lĩnh vực: Ứng dụng công nghệ sản xuất mới; nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm; đào tạo nâng cao tay nghề, năng lực quản lý cho các doanh nghiệp.

+ *Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ*: Tranh thủ Trung ương triển khai nhanh hạ tầng Khu Kinh tế Định An, các dự án giao thông trọng điểm. Phát triển hạ tầng văn hóa, thông tin, giáo dục, y tế và các công trình quốc phòng - an ninh. Tập trung đầu tư để thành phố Trà Vinh trở thành thành phố văn minh, xanh, sạch, đẹp và đô thị thông minh; thị xã Duyên Hải đạt các tiêu chí đô thị loại IV và phấn đấu đạt tiêu chí đô thị loại III; huyện Tiểu Cần đủ điều kiện lên thị xã; xã Dân Thành, xã Trường Long Hòa (thị xã Duyên Hải) thành phường; các thị trấn tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V, riêng 2 thị trấn Cầu Ngang và Càng Long phấn đấu đạt chuẩn đô thị loại IV. Ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

+ *Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại*: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các hình thức kinh doanh hiện đại, thông minh. Thực hiện tốt liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm, chú trọng việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, gian lận

thương mại,... Tập trung phát triển các ngành dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, y tế,... Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

+ *Tài chính, ngân hàng*: Huy động và khai thác mạnh mẽ các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển. Tăng cường các biện pháp quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ. Bố trí chi ngân sách ưu tiên cho những công trình trọng điểm, các nhiệm vụ quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Quản lý chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm đúng dự toán, đúng chế độ; triệt để tiết kiệm chi. Thực hiện có hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối; đẩy mạnh huy động và cho vay vốn với mức lãi suất phù hợp gắn với an toàn tín dụng.

+ *Đẩy mạnh phát triển các loại hình doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động*: Hoàn thiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, liên kết tiêu thụ sản phẩm; phấn đấu phát triển 500 doanh nghiệp/năm. Xây dựng Làng khởi nghiệp xanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp rộng khắp. Nhân rộng các mô hình hợp tác xã điểm, phát triển 02 Liên hiệp hợp tác xã.

+ *Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại*: Chuẩn bị các điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, mặt bằng... để tận dụng cơ hội từ sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư sau đại dịch Covid-19; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch với các đối tác nước ngoài. Hỗ trợ các doanh nghiệp giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng hóa, xây dựng thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường xuất khẩu.

b) Phát triển văn hóa - xã hội

- *Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người*: Tiếp tục triển khai, thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo. Tăng cường giáo dục đạo đức, nhân cách, truyền thống cách mạng, kỹ năng sống và văn hóa ứng xử. Đẩy mạnh phân luồng, tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Tiếp tục sắp xếp lại các điểm trường gắn với đầu tư xây dựng trường, lớp; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Hợp tác liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng Trường Cao đẳng Nghệ Trà Vinh thành trường cao đẳng chất lượng cao, Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình các trường tiên tiến.

- *Phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo*: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, đảm bảo không dưới 2% chi thường xuyên ngân sách hàng năm của tỉnh. Thực hiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu đảm bảo trên 70% các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, quản lý Nhà nước,... Xây dựng cơ chế thông thoáng, minh bạch, công bằng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo phát triển. Tăng

cường hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thanh, kiểm tra công tác khoa học và công nghệ.

- *Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao*: Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Quan tâm đầu tư thiết chế văn hóa; duy trì, phát triển các loại hình văn hóa, bảo tồn phát huy các di sản và giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thể dục - thể thao quần chúng, công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể dục - thể thao trong trường học. Tăng cường công tác tuyển chọn, đào tạo tài năng để phát triển các môn thể thao thành tích cao.

- *Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; gia đình và trẻ em*: Tập trung xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các cơ sở y tế; đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện theo hướng hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Phát triển hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý y dược tư nhân. Triển khai có hiệu quả chương trình dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành về thực hiện công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.

- *Lao động, việc làm, thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội; công tác dân tộc, tôn giáo*: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình việc làm, kéo giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 2%. Thực hiện tốt các chính sách để người có công và thân nhân có mức sống từ trung bình khá trở lên so với địa bàn nơi cư trú; xã hội hóa công tác “*Đền ơn đáp nghĩa*”, chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách về giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tăng cường tuyên truyền, vận động mọi người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Huy động lòng ghép các nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, chính sách trong đồng bào dân tộc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

c) Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất; tăng cường công tác quản lý, chuyên đổi sử dụng hợp lý và hiệu quả diện tích đất phục vụ cho yêu cầu phát triển. Tổ chức điều tra, đánh giá và quy hoạch phân bổ tài nguyên nước phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng bền vững và hiệu quả. Nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường, kiểm soát, quản lý chặt chẽ môi trường trong sản xuất,

kinh doanh, khu dân cư, làng nghề... Xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường, nhất là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

d) Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Triển khai Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương đầu tư các dự án đê kè phòng chống sạt lở (thị trấn Tiểu Cần, thị trấn Cầu Ngang, sông Long Bình, sông Láng Thè, đê bao Nam rạch Trà Cú...), kênh thủy lợi, cống nội đồng, trạm bơm điện, nâng cấp và mở rộng cảng cá kết hợp khu neo tránh trú bão cho tàu cá cửa Định An.

Thực hiện đô thị hóa gắn với xử lý các vấn đề về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tranh thủ các nguồn vốn thực hiện các dự án Phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Mê Kông - thành phố Trà Vinh, mở rộng hệ thống cống thu gom và nâng cấp công nghệ xử lý Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, xử lý nước thải tại các đô thị mới như thị xã Duyên Hải, thị trấn Tiểu Cần. Khuyến khích phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, triển khai kịp thời Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ tiết kiệm điện đạt 3% vào năm 2025; duy trì, phát triển doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất sạch hơn, ứng dụng công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng.

Chủ động các phương án cứu trợ khi có thiên tai, triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai. Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, dự trữ cơ sở thuốc, 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc, củng cố nhân lực y tế phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

đ) Phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông, an toàn thông tin

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các cơ quan báo chí của tỉnh; chỉ đạo định hướng thông tin báo chí, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát triển buru chính - viễn thông, nhất là các dịch vụ liên quan đến Chính phủ điện tử và Thương mại điện tử. Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Quản lý tốt Cổng thông tin điện tử tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm trên lĩnh vực an ninh mạng.

e) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tập trung thực hiện Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức, hướng đến mục tiêu xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030 tại tỉnh.

Thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, thanh tra chuyên đề, thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh ngay từ cấp cơ sở.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018. Nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc nắm bắt tình hình, phát hiện và xử lý tham nhũng. Kịp thời khen thưởng, bảo vệ vị trí công tác người tố giác hành vi tham nhũng theo quy định.

i) Quốc phòng an ninh và bảo đảm ổn định chính trị xã hội

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; tiếp tục điều chỉnh, bổ sung phương án, kế hoạch của các cấp, các ngành, các lực lượng; xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; chú trọng địa bàn trọng điểm và vùng biển. Nâng cao hiệu quả hiệp đồng, tác chiến giữa công an, quân đội và biên phòng nhằm đảm bảo yêu cầu hỗ trợ kịp thời giữa các lực lượng xử lý nhanh chóng các tình huống.

Tăng cường vận động Nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, nắm chắc mọi diễn biến tình hình bên trong và bên ngoài, quản lý chặt địa bàn, đối tượng, nhất là địa bàn trọng điểm, không để xảy ra điểm nóng. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, triệt phá các băng nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức và tội phạm có tính chuyên nghiệp, tội phạm sử dụng công nghệ cao và có yếu tố nước ngoài; kiểm chế và kéo giảm tai nạn giao thông.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, củng cố xây dựng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an, quân sự, biên phòng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển quân, tuyển sinh, các chính sách đối với lực lượng vũ trang, chính sách hậu phương quân đội.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao định kỳ xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện. Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm, nâng cao hiệu lực quản lý, chỉ đạo, điều hành, đề cao trách nhiệm và vai trò gương mẫu của người đứng đầu cơ quan; quy định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và thực thi pháp luật ở địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tăng cường công tác giám sát và tích cực vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi toàn thể đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, các cấp, các ngành trong tỉnh phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, tính năng động sáng tạo, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KH và ĐT, Tài chính;
- TT. TƯ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, KH và ĐT, TC, Cục Thống kê tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái